

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 893 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 3)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 5685/BTC-NSNN ngày 01 tháng 6 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung 238.301 triệu đồng (Hai trăm ba mươi tám tỷ, ba trăm linh một triệu đồng) kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 cho các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương (đợt 3), cụ thể:

- Kinh phí bổ sung cho các Bộ, cơ quan Trung ương là: 63.870 triệu đồng (Sáu mươi ba tỷ tám trăm bảy mươi triệu đồng).
- Kinh phí bổ sung cho các địa phương là: 174.431 triệu đồng (Một trăm bảy mươi tư tỷ bốn trăm ba mươi một triệu đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Về nguồn kinh phí:

- Sử dụng từ nguồn dự phòng kinh phí bầu cử đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định là: 30.479 triệu đồng;
- Bổ sung từ nguồn dự toán chi quản lý hành chính ngân sách trung ương năm 2021 đã được Quốc hội quyết định (ngoài nguồn kinh phí 1.500.000 triệu đồng đã bố trí từ nguồn dự toán chi quản lý hành chính ngân sách trung ương năm 2021 phục vụ bầu cử) là: 207.822 triệu đồng.

Điều 3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin và số liệu báo cáo; thực hiện thông báo kinh phí bổ sung (đợt 3) cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.

Điều 4. Các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương căn cứ kinh phí được bổ sung nêu trên để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ bầu cử năm 2021. Việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán số kinh phí được bổ sung bảo đảm đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương nêu tại Điều 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- TTgCP, các PTTg;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
Các Vụ: QHĐP, TKBT, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, KTTH (3). M.G 14





Phụ lục

KINH PHÍ PHỤC VỤ BẦU CỬ NĂM 2021 (ĐỢT 3) CHO CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG

Kiểm theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí bổ sung
A	Kinh phí của các Bộ, cơ quan Trung ương	63.870
1	Bộ Quốc Phòng	58.730
2	Đài tiếng nói Việt Nam (VOV)	2.200
3	Báo Nhân dân	480
4	Truyền hình nhân dân	1.500
5	Ban Tuyên giáo Trung ương	960
B	Kinh phí của các địa phương	174.431
I	Các địa phương tự cân đối ngân sách	4.343
1	Bà Rịa-Vũng Tàu	587
2	Khánh Hoà	910
3	Quảng Ninh	350
4	TP Hải Phòng	1.197
5	Vĩnh Phúc	767
6	Hung Yên	532
II	Các địa phương miền núi, khu vực biên giới, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ không tự cân đối ngân sách	136.032
7	An Giang	5.008
8	Bình Phước	3.432
9	Cao Bằng	3.000
10	Đắk Lắk	4.259
11	Đắk Nông	3.175
12	Đồng Tháp	5.222
13	Điện Biên	3.846
14	Gia Lai	3.000
15	Hà Giang	3.000
16	Hà Tĩnh	3.000
17	Kiên Giang	3.474

18	Kon Tum	3.000
19	Lai Châu	3.455
20	Lạng Sơn	3.000
21	Lào Cai	3.000
22	Lâm Đồng	3.659
23	Nghệ An	3.000
24	Quảng Bình	3.000
25	Quảng Trị	3.755
26	Sơn La	3.000
27	Thanh Hoá	3.000
28	Bắc Giang	5.000
29	Bắc Kạn	3.000
30	Bạc Liêu	3.000
31	Bến Tre	3.000
32	Cà Mau	3.000
33	Hậu Giang	3.343
34	Hòa Bình	3.000
35	Long An	3.000
36	Ninh Thuận	4.284
37	Phú Thọ	3.000
38	Sóc Trăng	4.131
39	Thái Nguyên	3.014
40	Tuyên Quang	3.404
41	Thừa Thiên-Huế	3.781
42	Tiền Giang	6.289
43	Trà Vinh	3.425
44	Vĩnh Long	3.076
45	Yên Bái	3.000
III	Các địa phương còn lại	34.056
46	Bình Định	4.626
47	Bình Thuận	4.146
48	Hà Nam	3.000
49	Nam Định	5.984
50	Ninh Bình	3.515
51	Phú Yên	4.457

52	Thái Bình	3.860
53	Tây Ninh	4.468
	TỔNG SỐ A+B	238.301